TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/DS-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngọc

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Chân Lý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 10 và ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST-DS ngày 19/9/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 18/10/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1948.
Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2016).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1940.
Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1938.
Địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Long Tân, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1940.
Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1945.
Địa chỉ: 32/6 khu Phước Long, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà My, bà Sự, ông Đức: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2017).

3.4. Ông Trần Hải A, sinh năm 1969
3.5. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1971
3.6. Ông Trần Hải T, sinh năm 1973
3.7. Ông Trần Hải K, sinh năm 1983
3.8. Bà Trần Thị Thu H2, sinh năm 1986
Cùng địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông An, bà Hồng, ông Toàn, ông Khanh, bà Hà: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2017).

3.9. Ông Trần Hải H3, sinh năm 1976
3.10. Ông Trần Hải B, sinh năm 1979
3.11. Bà Trần Thị Thu H3, sinh năm 1981
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hòa, ông Bình, bà Hạnh: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 20/01/2018).

3.12. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1946
3.13. Bà Mai Thị L1, sinh năm 1974
3.14. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971
Cùng địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3.15. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1968
3.16. Bà Đào Thị Đ1, sinh năm 1966
Cùng đại chỉ: tổ 16, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
3.17. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967
3.18. Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1974
3.19. Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1984
3.20. Anh Nguyễn Trí P, sinh năm 1999
3.21. Ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1980
3.22. Cháu Hồng Hoàng N1, sinh năm 2010
3.23. Cháu Hồng Hoàng Tấn T2, sinh năm 2011
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Người giám hộ của cháu N1 và cháu T2: Bà Nguyễn Ngọc Giàu.

3.24. Chị Nguyễn Mai Trúc L2, sinh năm 1999
3.25. Chị Nguyễn Hoài T3, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3.26. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện N, ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hằng có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị L do bà Trần Thị Thu H đại diện trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ 07 (tờ bản đồ cũ) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là của bà Nguyễn Thị Bọ khai phá. Bà Bọ đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 676874 ngày 21/4/1997. Ngày 02/5/2012 bà Bọ chết. Bà Bọ có chồng là ông Trần Văn Nhiều đã chết thời chiến tranh chống Pháp. Bà Bọ có 4 người con là: bà Trần Thị M, sinh năm 1938; bà bà Trần Thị S, sinh năm 1940, ông Trần Văn Đ, sinh năm 1945, ông Trần Văn X, sinh năm 1946 (chết năm 1993). Ông Xử có vợ là bà Lê Thị L, có 09 người con gồm: bà Trần Thị Thu H, ông Trần Hải A, bà Trần Thị Thu H1, ông Trần Hải T, ông Trần Hải K, bà Trần Thị Thu H2, bà Trần Thị Thu H3, ông Trần Hải B và ông Trần Hải H3.

Ngày 19/6/2003, bà Nguyễn Thị Bọ lập di chúc cho bà Lê Thị L thừa kế toàn bộ 8.489m^2 đất của bà Bọ trong đó bao gồm diện tích đất 7.097m^2 đất thuộc thửa 01 tờ bản đồ số 07 (cũ) xã P, có một phần ranh giáp với đất của ông M. Bà Lê Thị L thực tế đã quản lý, sử dụng thửa đất trên từ khoảng năm 1976 và quản lý liên tục từ đó đến nay. Trước kia, bà L có trồng hàng cây để làm hàng rào ngăn cách với thửa đất của ông M nhưng sau này đã đốn hết.

Năm 2005, con ông M là vợ chồng ông Lắm- bà Lài xây thêm phần nhà vệ sinh phía sau nên đã lấn sang phần đất của bà L. Bà L đã ngăn cản gia đình ông M và ông L1-bà L1 nhưng không được nên có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P giải quyết tranh chấp. Tại buổi hòa giải của Ủy ban nhân dân xã P, ông M đồng ý kéo dây xác định lại ranh giới đất để trả đất lại cho gia đình bà L nhưng sau đó ông M không thực hiện, tranh chấp chưa được giải quyết nên kéo dài đến nay.

Nay bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M - bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn L1 - bà Mai Thị L1 phải tháo dỡ nhà tắm trả lại diện tích đất 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, phần đất giới hạn bởi các mốc: 1, E, G, F, G1, G3, C, D, 2, 3, 4, G2, 5, 6, 7, 8,1 theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Nhơn Trạch.

Nguyên đơn bà L xin rút lại yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 336482, AN 336477, AN 336478, AN 336479, AN 336480, AN 336461 do UBND huyện N cấp ngày 05/11/2009 cho ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị C đối với các thửa đất số 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Thửa đất số 611 tờ bản đồ số 04 (cũ) xã P có nguồn gốc do vợ chồng ông khai phá, đây là tài sản chung của ông và vợ ông là bà Huỳnh Thị C. Ngày 21/4/1997, ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 156702, diện tích 816m^2. Ông chưa đi đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và cũng chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới.

Ranh giới đất giữa đất của ông và đất của bà L có 1 trụ bê tông ở phía gốc đông nam, trụ bê tông này là do ông chỉ dẫn cắm mốc. Hàng rào lưới B40 hiện hữu hiện nay giữa đất của ông và đất của bà L là do ông rào nhưng không nhớ rõ được rào vào thời gian nào.

Trên phần đất tranh chấp có một phần thửa số 122 tờ bản đồ số 19 xã P (tương ứng một phần thửa đất số 611 tờ bản đồ 03 (cũ)) có căn nhà của ông Nguyễn Văn L1 - bà Mai Thị L1 là con trai và con dâu của ông. Năm 2012 thì ông L1- bà L1 xây dựng nhà tắm trên diện tích đất tranh chấp, và theo bản vẽ thì nhà tắm này có một phần nằm trên phần đất của bà L. Sát ranh đất còn một căn nhà của ông Nguyễn Ngọc Ngọt – bà Đào Thị Đ1 là con trai và con dâu của ông. Căn nhà này mới được xây dựng năm 2016. Hiện ông N và bà Đ chưa dọn vào ở trong nhà này mà cho con gái ông là bà Nguyễn Thị Q ở để giữ nhà giùm.

Nay ông không đồng ý trả cho bà L diện tích đất tranh chấp 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho bà Lê Thị L quản lý, sử dụng, phần đất giới hạn bởi các mốc: 1, E, G, F, G1, G3, C, D, 2, 3, 4, G2, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Nhơn Trạch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M, bà Trần Thị S, ông Trần Văn Đ, ông Trần Hải A, bà Trần Thị Thu H1, ông Trần Hải T, bà Trần Thị Thu H2, ông Trần Hải K, ông Trần Hải H3, ông Trần Hải B, và bà Trần Thị Thu H3 ủy quyền cho bà Trần Thị Thu H đại diện trình bày: Bà M, bà S, ông Đ và ông Trần Văn X (đã chết) là con của Nguyễn Thị Bọ. Ông A, ông T, ông K, bà H1, bà H2, ông H3, ông B và bà H3 là con của ông Trần Văn X. Các ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đối với diện tích đất tranh chấp do ông M lấn chiếm thì đề nghị ông M trả lại cho bà L. Ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 và bà Mai Thị L1 trình bày: Ông bà là con trai và con dâu của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị C. Phần đất ông bà đang xây dựng nhà ở thuộc thửa 122 tờ bản đồ số 19 (tờ bản đồ mới) xã P là thuộc quyền quản lý sử dụng đất của ông M – bà Chuyện. Ông bà chỉ xây dựng nhà trên đất, ngoài ra không có quyền lợi gì đối với diện tích đất tranh chấp. Ông bà xây dựng nhà ở trên đất của ông M từ năm 1998 và đến năm 2000 thì sửa chữa lại nhà, việc xây dựng nhà không lấn chiếm đất của bà L.

Hiện nay, có một phần công trình xây dựng (nhà vệ sinh) của ông bà được xây dựng trên thửa 122 tờ bản đồ số 19 xã P thì ông bà không đồng ý tháo dỡ theo yêu cầu của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N và bà Đào Thị Đ1 trình bày: Ông bà là con trai và con dâu của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị C. Phần đất ông bà đang xây dựng nhà ở là thuộc quyền quản lý sử dụng của ông M – bà C. Ông bà chỉ xây dựng nhà trên đất, ngoài ra không có quyền lợi gì đối với diện tích đất tranh chấp.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông Ngọt- bà Đẹp không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trình bày tại văn bản số 6745/UBND-TP ngày 11/10/2017:

Ngày 21/3/1997, Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 676874 đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ số 7 (cũ) xã P cho bà Nguyễn Thị Bọ. Ngày 21/3/1997, Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 156702 đối với thửa đất số 611 tờ bản đồ số 4 (cũ) xã P cho ông Nguyễn Văn M. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bọ và ông Nguyễn Văn M là cấp đồng loạt. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị Thanh D, anh Nguyễn Trí P, ông Nguyễn Thế T, chị Nguyễn Mai Trúc L và chị Nguyễn Hoài T: Tòa án tống đạt hợp lệ cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tòa tham gia tố tụng nhưng bà C, bà Q, bà G, bà D, anh P, ông T, chị L và chị T không đến Tòa cung cấp ý kiến và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiến nghị về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M trả lại diện tích đất tranh chấp, buộc ông L1- bà L1 tháo dở công trình xây dựng để trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn L1, bà Mai Thị L1, ông Nguyễn Ngọc N, bà Đào Thị Đ1, bà Huỳnh Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị Thanh D, anh Nguyễn Trí P, ông Nguyễn Thế

T1, chị Nguyễn Mai Trúc L, chị Nguyễn Hoài T và Ủy ban nhân dân huyện N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn L1, bà Mai Thị L1, ông Nguyễn Ngọc , bà Đào Thị Đ1, bà Huỳnh Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị Thanh D, anh Nguyễn Trí P, ông Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Mai Trúc L, chị Nguyễn Hoài T và Ủy ban nhân dân huyện N.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 336482, AN 336477, AN 336478, AN 336479, AN 336480, AN 336461 do UBND huyện N cấp ngày 05/11/2009 cho ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị C đối với các thửa đất số 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 15/8/2018, nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (bút lục 418). Tại phiên Tòa, bà Trần Thị Thu H đại diện cho bà L vẫn giữ nguyên ý kiến của bà L về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của bà L về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị C, ông Nguyễn Văn L1 và Mai Thị L1 phải tháo dỡ nhà tắm trả lại diện tích đất 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho bà Lê Thị L quản lý, sử dụng.

Qua kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Nhơn Trạch thì xác định phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích đất 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, phần đất giới hạn bởi các mốc: 1, E, G, F, G1, G3, C, D, 2, 3, 4, G2, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Nhơn Trạch. Và tại Bản đồ chồng ghép thì xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 01 tờ bản đồ số 7 (tờ bản đồ cũ) xã P, huyện N và thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bọ. Bà Bọ đã chết và có lập di chúc để lại phần đất nêu trên cho bà L, các người thừa kế của bà Bọ không tranh chấp với nội dung di chúc nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M trả lại đất cho bà L.

Trên diện tích đất tranh chấp có một phần công trình xây dựng là nhà vệ sinh của ông Nguyễn Văn L1 và bà Mai Thị L1. Ông L1- bà L1 thừa nhận diện tích đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà. Tại biên bản ngày 15/10/2012 (bút lục 28) ông M đã cam kết nếu xác định ông xây dựng lấn qua phần đất của bà L thì ông tự nguyện tháo dỡ phần lấn đó và không yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử, xét thấy việc ông L1 và bà L1 xây dựng một phần nhà vệ sinh nằm trên diện tích đất của bà Lê Thị L, việc tháo dỡ một phần

công trình xây dựng là nhà tắm của ông L1- bà L1 không ảnh hưởng đến phần công trình xây dựng còn lại.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm trả lại diện tích đất 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho bà Lê Thị L quản lý, sử dụng, phần đất giới hạn bởi các mốc: 1, E, G, F, G1, G3, C, D, 2, 3, 4, G2, 5, 6, 7, 8, 2 theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Nhơn Trạch.

Buộc ông L1- bà L1 tháo dỡ di dời một phần nhà vệ sinh diện tích 2,7m^2 được giới hạn bởi các điểm mốc A, C, D, A theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Nhơn Trạch để trả lại đất cho bà L.

[3] Về án phí: Do ông M và bà C là người cao tuổi, ông M xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông M - bà C. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về lệ phí thu thập chứng cứ: Bà Lê Thị L phải chịu tiền lệ phí thu thập chứng cứ là 847.140 đồng (bà L đã nộp xong).

[5] Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Ông M và bà C phải chịu tiền lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá là 9.322.433 đồng.

Ông L1 và bà L1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, 170, 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M về việc "Tranh chấp chấp quyền sử dụng đất".

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 336482, AN 336477, AN 336478, AN 336479, AN 336480, AN 336461 do UBND huyện N

cấp ngày 05/11/2009 cho ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị C đối với các thửa đất số 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm trả lại diện tích đất 46,7m^2 thuộc thửa 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 19 (mới) xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho bà Lê Thị L quản lý, sử dụng. Phần đất này được giới hạn bởi các mốc: 1, E, G, F, G1, G3, C, D, 2, 3, 4, G2, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Nhơn Trạch.

Buộc ông Nguyễn Văn L1- bà Mai Thị L1 tháo dỡ một phần công trình xây dựng (nhà vệ sinh) diện tích 2,7m^2 được giới hạn bởi các điểm mốc A, C, D, A theo bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1856/2018 ngày 08/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Nhơn Trạch để trả lại quyền sử dụng đất cho bà L.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất được sử dụng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn M – bà Huỳnh Thị C.

Ông Nguyễn Văn L1- bà Mai Thị L1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị L 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001841 ngày 06/12/2016 và số 003801 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông M- bà C phải chịu tiền lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp là 9.322.433 đồng (Chín triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Bà L đã tạm nộp trong quá trình tố tụng nên thu của ông M- bà C để hoàn trả lại cho bà L.

Bà Lê Thị L phải chịu lệ phí thu thập chứng cứ là 847.140 đồng (bà L đã nộp xong).

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm